

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 205/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/ 7/ 2017
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Phước Tân**
2. Ông **Ngô Văn Thi**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Huynh**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2017/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thu S**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà Sang có mặt, ông Triệu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 04/4/2017 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bà Huỳnh Thị Thu S trình bày: Bà và ông T tự tìm hiểu yêu thương nhau đi đến hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhật Q, sinh ngày 09/3/2011. Con chung hiện nay do bà nuôi dạy. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Trần Văn T theo quy định nhưng ông T vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2017, ông Trần Văn T trình bày: Ông thống nhất với bà S với thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà S.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà S có 01 con chung tên Trần Nhật Q, sinh ngày 09/3/2011. Con chung hiện nay do bà S nuôi dạy. Khi ly hôn ông T không có ý kiến về con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có.

Tại Phiên tòa bà S bảo lưu ý kiến. Riêng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX), xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

Quan điểm của Kiểm sát viên về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Về tình cảm: Do bà S và ông T không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận bà S và ông T là vợ chồng theo Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu bà S được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Nhật Q, sinh ngày 09/3/2011. Công nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng bà S.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thu S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

2.Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009; lẽ ra quan hệ hôn nhân giữa bà S, ông T được công nhận nhưng hai bên đều trình bày từ trước tới nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Việc trình bày của hai bên phù hợp với giấy xác nhận Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 05/4/2017 do đó không được xem là hôn nhân hợp pháp, mà nghĩ nên áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình tuyên: Không công nhận bà S, ông T là quan hệ vợ chồng.

4.Về con chung: Bà S và ông T xác định có sinh 01 con chung tên Trần Nhật Q, sinh ngày 09/3/2011, con chung hiện nay do bà S nuôi dạy. Ông T không có ý kiến gì về yêu cầu bà S. Xét, ý kiến của các đương sự về việc nuôi con trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đồng thời, các đương sự cùng xác định từ khi không còn chung sống, bà S là người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các đương sự, giao con chung cho bà S tiếp tục nuôi dạy.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà S không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

HĐXX cũng giải thích cho bà S, ông T biết: Bà S cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

5.Về tài sản chung, nợ chung: Bà S và ông T khai thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

6.Về án phí: Bà S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sơ thẩm về hôn nhân. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu S.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Thị Thu S, ông Trần Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thu S được tiếp tục nuôi dạy con chung Trần Nhật Q, sinh ngày 09/3/2011.

Bà S cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010997 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà S đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/7/2017) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với ông T được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Mai Việt Quốc